

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu:

- Tên dự toán: Nghiệp vụ Quan trắc môi trường, vệ sinh thu gom rác tại trung tâm, hỗ trợ xử lý làm sạch nguồn nước, xử lý rác thải nguy hại.

- Tên gói thầu: Lập báo cáo quan trắc môi trường tại các Nghĩa trang thuộc Ban Phục vụ lễ tang Hà Nội năm 2026

- Chủ đầu tư: Ban Phục vụ lễ tang Hà Nội - Sở nội vụ Tp. Hà Nội

- Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách thành phố năm 2026

2. Mục tiêu công việc:

2.1. Mục tiêu tổng quát

- Quan trắc chất lượng môi trường gồm:

+ Không khí xung quanh

+ Nước thải

+ Nước mặt

+ Nước ngầm

+ Khí thải ống khói

+ Đất

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Cung cấp thông tin về hiện trạng môi trường Không khí xung quanh, nước mặt, nước thải, nước ngầm, Khí thải ống khói, đất của các nghĩa trang. Nghĩa trang Yên Kỳ - Ba Vì, Nghĩa trang Sài Đồng - Long Biên, Nghĩa trang Văn Điển - Thanh Trì, Nghĩa trang Nhân - Bắc Từ Liêm, Nghĩa trang Ngọc Hồi - Thanh Trì, Nghĩa trang Mai Dịch - Cầu Giấy, Nghĩa trang Thanh Tước - Mê Linh, Nhà tang lễ Phùng Hưng - Hoàn Kiếm.

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

STT	NỘI DUNG	ĐVT	SL	TẦN SUẤT
A	Nghĩa trang Yên Kỳ - Ba Vì			
I	Không khí xung quanh (04 điểm trong NT, 01 điểm ngoài NT đầu hướng gió chủ đạo, 01 điểm ngoài NT cuối hướng gió chủ đạo)			
1	Nhiệt độ	Mẫu	6	2
2	Độ ẩm	Mẫu	6	2
3	Vận tốc gió	Mẫu	6	2
4	Hướng gió	Mẫu	6	2
5	Áp suất	Mẫu	6	2
6	Bụi TSP	Mẫu	6	2
7	CO	Mẫu	6	2

8	NO ₂	Mẫu	6	2
9	SO ₂	Mẫu	6	2
10	Tiếng ồn	Mẫu	6	2
11	Độ rung	Mẫu	6	2
II	Nước thải (Đầu ra sau xử lý tại khu xử lý NT)			
1	pH	Mẫu	1	4
2	BOD ₅ (20oC)	Mẫu	1	4
3	TSS	Mẫu	1	4
4	TDS	Mẫu	1	4
5	Sunfua	Mẫu	1	4
6	Amoni	Mẫu	1	4
7	Nitrat	Mẫu	1	4
8	Dầu mỡ ĐTV	Mẫu	1	4
9	CHĐBM	Mẫu	1	4
10	Phosphat	Mẫu	1	4
11	Tổng coliform	Mẫu	1	4
III	Nước ngầm (02 nhà dân nằm gần NT)			
1	pH	Mẫu	2	2
2	Chỉ số pemanganat	Mẫu	2	2
3	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	Mẫu	2	2
4	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃)	Mẫu	2	2
5	Amôni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	Mẫu	2	2
6	Nitrite (NO ₂ tính theo N)	Mẫu	2	2
7	Nitrate (NO ₃ tính theo N)	Mẫu	2	2
8	Chloride (Cl ⁻)	Mẫu	2	2
9	Fluoride (F ⁻)	Mẫu	2	2
10	Sulfate (SO ₄ ²⁻)	Mẫu	2	2
11	Cyanide (CN ⁻)	Mẫu	2	2
12	Arsenic (As)	Mẫu	2	2
13	Cadmi (Cd)	Mẫu	2	2
14	Chì (Pb)	Mẫu	2	2
15	Tổng Chromi (Cr)	Mẫu	3	2
16	Đồng (Cu)	Mẫu	2	2
17	Kẽm (Zn)	Mẫu	2	2
18	Nickel (Ni)	Mẫu	2	2
19	Mangan (Mn)	Mẫu	2	2
20	Thủy ngân (Hg)	Mẫu	2	2
21	Sắt (Fe)	Mẫu	2	2
22	Phenol	Mẫu	2	2
23	Seleni (Se)	Mẫu	2	2
24	Aldrin	Mẫu	2	2
25	Lindane	Mẫu	2	2
26	Dieldrin	Mẫu	2	2
28	Benzene	Mẫu	2	2
29	Coliform	Mẫu	2	2
30	E.Coli	Mẫu	2	2
31	Tổng hoạt độ phóng xạ α; β	Mẫu	2	2

IV	Chi phí khác			
1	Chi phí vận chuyển	Gói	1	4
2	Chi phí VPP	Gói	1	4
3	Chi phí lập báo cáo	Gói	1	2
B	Nghĩa trang Sài Đồng - Long Biên			
I	Không khí xung quanh (01 điểm trong NT, 01 điểm ngoài NT đầu hướng gió chủ đạo, 01 điểm ngoài NT cuối hướng gió chủ đạo)			
1	Nhiệt độ	Mẫu	3	2
2	Độ ẩm	Mẫu	3	2
3	Vận tốc gió	Mẫu	3	2
4	Hướng gió	Mẫu	3	2
5	Áp suất	Mẫu	3	2
6	Bụi TSP	Mẫu	3	2
7	CO	Mẫu	3	2
8	NO2	Mẫu	3	2
9	SO2	Mẫu	3	2
10	Tiếng ồn	Mẫu	3	2
11	Rung	Mẫu	3	2
II	Nước thải (nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại của nghĩa trang)			
1	pH	Mẫu	1	4
2	BOD5 (20oC)	Mẫu	1	4
3	TSS	Mẫu	1	4
4	TDS	Mẫu	1	4
5	Sunfua	Mẫu	1	4
6	Amoni	Mẫu	1	4
7	Nitrat	Mẫu	1	4
8	Dầu mỡ ĐTV	Mẫu	1	4
9	CHĐBM	Mẫu	1	4
10	Phosphat	Mẫu	1	4
11	Tổng coliform	Mẫu	1	4
III	Chi phí khác			
1	Chi phí vận chuyển	Gói	1	4
2	Chi phí VPP	Gói	1	4
3	Chi phí lập báo cáo	Gói	1	2
C	Nghĩa trang Văn Điển - Thanh Trì			
I	Không khí xung quanh (đối diện cổng số 3 vào NT; Trên đường Phan Trọng Tuệ, đối diện cổng 2 vào NT; Phía Nam NT, gần cty vật liệu xây dựng Đại La; Điểm giữa khu hóa thân hoàn vũ và Nhà tang lễ; từ cổng số 3 đi vào bên trái bên phải miếu thần linh, khu 12)			
1	Nhiệt độ	Mẫu	5	2
2	Độ ẩm	Mẫu	5	2
3	Vận tốc gió	Mẫu	5	2
4	Hướng gió	Mẫu	5	2
5	Áp suất	Mẫu	5	2
6	Bụi TSP	Mẫu	5	2
7	Bụi PM 10	Mẫu	1	2
8	Bụi PM 2,5	Mẫu	1	2

9	CO	Mẫu	5	2
10	NO ₂	Mẫu	5	2
11	SO ₂	Mẫu	5	2
12	Tiếng ồn	Mẫu	5	2
13	Rung	Mẫu	5	2
II	Nước thải (NTSH trước XL; NTSH sau XL)			
1	pH	Mẫu	2	4
2	BOD ₅ (20°C)	Mẫu	2	4
3	TSS	Mẫu	2	4
4	TDS	Mẫu	2	4
5	Sunfua	Mẫu	2	4
6	Amoni	Mẫu	2	4
7	Nitrat	Mẫu	2	4
8	Dầu mỡ ĐTV	Mẫu	2	4
9	CHĐBM	Mẫu	2	4
10	Phosphat	Mẫu	2	4
11	Tổng coliform	Mẫu	2	4
III	Nước mặt (Nước lấy tại hồ cạnh khu vực rửa cốt; Hồ điều hòa xử lý NT phía Tây Nam NT; Hồ điều hòa xử lý NT phía Đông Nam NT)			
1	pH	Mẫu	3	2
2	Ôxy hòa tan (DO)	Mẫu	3	2
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	Mẫu	3	2
4	COD	Mẫu	3	2
5	BOD ₅ (20°C)	Mẫu	3	2
6	TOC	Mẫu	4	2
7	Tổng P	Mẫu	3	2
8	Tổng N	Mẫu	3	2
9	Tổng Coliform	Mẫu	3	2
10	Coliform chịu nhiệt (Fecal Coliform)	Mẫu	3	2
11	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	Mẫu	3	2
12	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	Mẫu	3	2
13	Chloride (Cl ⁻)	Mẫu	3	2
14	Fluoride (F ⁻)	Mẫu	3	2
15	Arsenic (As)	Mẫu	3	2
16	Chromi (6+) (Cr ⁶⁺)	Mẫu	3	2
17	Tổng Chromi (Cr)	Mẫu	3	2
18	Đồng (Cuprum) (Cu)	Mẫu	3	2
19	Mangan (Mn)	Mẫu	3	2
20	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	Mẫu	3	2
21	Sắt (Ferrum) (Fe)	Mẫu	3	2
22	Tổng Phenol	Mẫu	3	2
23	Tổng dầu, mỡ (oils & grease)	Mẫu	3	2
24	Polychlorinated biphenyls (PCBs)	Mẫu	3	2
25	Benzene (C ₆ H ₆)	Mẫu	3	2
26	E.coli	Mẫu	3	2
IV				
1	Nhiệt độ			

2	Bụi tổng	Mẫu	12	4
3	HCL	Mẫu	12	4
4	CO	Mẫu	12	4
5	NOx (tính theo NO2)	Mẫu	12	4
6	SO2	Mẫu	12	4
7	Hg	Mẫu	12	4
8	Cd	Mẫu	12	4
9	Pb	Mẫu	12	4
V	Nước ngầm (Nước giếng trong NT)			
1	pH	Mẫu	2	2
2	Chỉ số pemanganat	Mẫu	2	2
3	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	Mẫu	2	2
4	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃)	Mẫu	2	2
5	Amôni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	Mẫu	2	2
6	Nitrite (NO ₂ ⁻ tính theo N)	Mẫu	2	2
7	Nitrate (NO ₃ ⁻ tính theo N)	Mẫu	2	2
8	Chloride (Cl ⁻)	Mẫu	2	2
9	Fluoride (F ⁻)	Mẫu	2	2
10	Sulfate (SO ₄ ²⁻)	Mẫu	2	2
11	Cyanide (CN ⁻)	Mẫu	2	2
12	Arsenic (As)	Mẫu	2	2
13	Cadmi (Cd)	Mẫu	2	2
14	Chì (Pb)	Mẫu	2	2
15	Tổng Chromi (Cr)	Mẫu	3	2
16	Đồng (Cu)	Mẫu	2	2
17	Kẽm (Zn)	Mẫu	2	2
18	Nickel (Ni)	Mẫu	2	2
19	Mangan (Mn)	Mẫu	2	2
20	Thủy ngân (Hg)	Mẫu	2	2
21	Sắt (Fe)	Mẫu	2	2
22	Phenol	Mẫu	2	2
24	Aldrin	Mẫu	2	2
25	Lindane	Mẫu	2	2
26	Dieldrin	Mẫu	2	2
28	Benzene	Mẫu	2	2
29	Coliform	Mẫu	2	2
30	E.Coli	Mẫu	2	2
31	Tổng hoạt độ phóng xạ α; β	Mẫu	2	2
VI	Chi phí khác			
1	Chi phí vận chuyển	Gói	1	4
2	Chi phí VPP	Gói	1	4
3	Chi phí lập báo cáo	Gói	1	2
D	Nghĩa trang Nhôn - Bắc Từ Liêm			
I	Không khí xung quanh (Giữa khu mộ A3 và A4; Phía Nam nghĩa trang; Cách NT 300m về phía Tây; Trên đường Tây Tựu, cách cổng vào thẳng bia tường niệm 50m; Đất thổ canh xã Tây Tựu ở phía Bắc của NT)			
1	Nhiệt độ	Mẫu	5	2

2	Độ ẩm	Mẫu	5	2
3	Vận tốc gió	Mẫu	5	2
4	Hướng gió	Mẫu	5	2
5	Áp suất	Mẫu	5	2
6	Bụi TSP	Mẫu	5	2
7	CO	Mẫu	5	2
8	NO ₂	Mẫu	5	2
9	SO ₂	Mẫu	5	2
10	Tiếng ồn	Mẫu	5	2
11	Rung	Mẫu	5	2
II	Nước thải (01 điểm sau bể tự hoại)			
1	pH	Mẫu	1	4
2	BOD ₅ (20°C)	Mẫu	1	4
3	TSS	Mẫu	1	4
4	TDS	Mẫu	1	4
5	Sunfua	Mẫu	1	4
6	Amoni	Mẫu	1	4
7	Nitrat	Mẫu	1	4
8	Dầu mỡ ĐTV	Mẫu	1	4
9	CHĐBM	Mẫu	1	4
10	Phosphat	Mẫu	1	4
11	Tổng coliform	Mẫu	1	4
III	Nước mặt (hồ trong khuôn viên NT)			
1	pH	Mẫu	3	2
2	Ôxy hòa tan (DO)	Mẫu	3	2
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	Mẫu	3	2
4	COD	Mẫu	3	2
5	BOD ₅ (20°C)	Mẫu	3	2
6	TOC	Mẫu	4	2
7	Tổng P	Mẫu	3	2
8	Tổng N	Mẫu	3	2
9	Tổng Coliform	Mẫu	3	2
10	Coliform chịu nhiệt (Fecal Coliform)	Mẫu	3	2
11	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	Mẫu	3	2
12	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	Mẫu	3	2
13	Chloride (Cl ⁻)	Mẫu	3	2
14	Fluoride (F ⁻)	Mẫu	3	2
15	Arsenic (As)	Mẫu	3	2
16	Chromi (6+) (Cr ⁶⁺)	Mẫu	3	2
17	Tổng Chromi (Cr)	Mẫu	3	2
18	Đồng (Cuprum) (Cu)	Mẫu	3	2
19	Mangan (Mn)	Mẫu	3	2
20	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	Mẫu	3	2
21	Sắt (Ferrum) (Fe)	Mẫu	3	2
22	Tổng Phenol	Mẫu	3	2
23	Tổng dầu, mỡ (oils & grease)	Mẫu	3	2
24	Polychlorinated biphenyls (PCBs)	Mẫu	3	2

25	Benzene (C ₆ H ₆)	Mẫu	3	2
26	E.coli	Mẫu	3	2
IV	Nước ngầm (Nước giếng trong NT; Nước giếng nhà người dân thuộc xóm 2 Túr Hoàng, Xuân Phương, Từ Liêm)			
1	pH	Mẫu	2	2
2	Chỉ số pemanganat	Mẫu	2	2
3	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	Mẫu	2	2
4	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃)	Mẫu	2	2
5	Amôni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	Mẫu	2	2
6	Nitrite (NO ₂ tính theo N)	Mẫu	2	2
7	Nitrate (NO ₃ tính theo N)	Mẫu	2	2
8	Chloride (Cl ⁻)	Mẫu	2	2
9	Fluoride (F ⁻)	Mẫu	2	2
10	Sulfate (SO ₄ ²⁻)	Mẫu	2	2
11	Cyanide (CN ⁻)	Mẫu	2	2
12	Arsenic (As)	Mẫu	2	2
13	Cadmi (Cd)	Mẫu	2	2
14	Chì (Pb)	Mẫu	2	2
15	Tổng Chromi (Cr)	Mẫu	3	2
16	Đồng (Cu)	Mẫu	2	2
17	Kẽm (Zn)	Mẫu	2	2
18	Nickel (Ni)	Mẫu	2	2
19	Mangan (Mn)	Mẫu	2	2
20	Thủy ngân (Hg)	Mẫu	2	2
21	Sắt (Fe)	Mẫu	2	2
22	Phenol	Mẫu	2	2
24	Aldrin	Mẫu	2	2
25	Lindane	Mẫu	2	2
26	Dieldrin	Mẫu	2	2
28	Benzene	Mẫu	2	2
29	Coliform	Mẫu	2	2
30	E.Coli	Mẫu	2	2
31	Tổng hoạt độ phóng xạ α; β	Mẫu	2	2
V	Chi phí khác			
1	Chi phí vận chuyển	Gói	1	4
2	Chi phí VPP	Gói	1	4
3	Chi phí lập báo cáo	Gói	1	2
E	Nghĩa trang Ngọc Hồi - Thanh Trì			
I	Không khí xung quanh (Cty CP thiết bị điện Hàm Long, phía Bắc NT; Cty DVTM Tràng Thi, phía Nam NT; Vị trí kỳ đài; Trước cổng vào NT)			
1	Nhiệt độ	Mẫu	4	2
2	Độ ẩm	Mẫu	4	2
3	Vận tốc gió	Mẫu	4	2
4	Hướng gió	Mẫu	4	2
5	Áp suất	Mẫu	4	2
6	Bụi TSP	Mẫu	4	2
7	CO	Mẫu	4	2

8	NO2	Mẫu	4	2
9	SO2	Mẫu	4	2
10	Tiếng ồn	Mẫu	4	2
11	Rung	Mẫu	4	2
II	Nước thải (01 điểm sau bể tự hoại)			
1	pH	Mẫu	1	4
2	BOD5 (20oC)	Mẫu	1	4
3	TSS	Mẫu	1	4
4	TDS	Mẫu	1	4
5	Sunfua	Mẫu	1	4
6	Amoni	Mẫu	1	4
7	Nitrat	Mẫu	1	4
8	Dầu mỡ ĐTV	Mẫu	1	4
9	CHĐBM	Mẫu	1	4
10	Phosphat	Mẫu	1	4
11	Tổng coliform	Mẫu	1	4
III	Nước mặt (hồ trong khuôn viên NT)			
1	pH	Mẫu	3	2
2	Ôxy hòa tan (DO)	Mẫu	3	2
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	Mẫu	3	2
4	COD	Mẫu	3	2
5	BOD ₅ (20 ⁰ C)	Mẫu	3	2
6	TOC	Mẫu	4	2
7	Tổng P	Mẫu	3	2
8	Tổng N	Mẫu	3	2
9	Tổng Coliform	Mẫu	3	2
10	Coliform chịu nhiệt (Fecal Coliform)	Mẫu	3	2
11	Nitrit (NO-2 tính theo N)	Mẫu	3	2
12	Amoni (NH4+ tính theo N)	Mẫu	3	2
13	Chloride (Cl-)	Mẫu	3	2
14	Fluoride (F-)	Mẫu	3	2
15	Arsenic (As)	Mẫu	3	2
16	Chromi (6+) (Cr6+)	Mẫu	3	2
17	Tổng Chromi (Cr)	Mẫu	3	2
18	Đồng (Cuprum) (Cu)	Mẫu	3	2
19	Mangan (Mn)	Mẫu	3	2
20	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	Mẫu	3	2
21	Sắt (Ferrum) (Fe)	Mẫu	3	2
22	Tổng Phenol	Mẫu	3	2
23	Tổng dầu, mỡ (oils & grease)	Mẫu	3	2
24	Polychlorinated biphenyls (PCBs)	Mẫu	3	2
25	Benzene (C6H6)	Mẫu	3	2
26	E.coli	Mẫu	3	2
IV	Chi phí khác			
1	Chi phí vận chuyển	Gói	1	4
2	Chi phí VPP	Gói	1	4
3	Chi phí lập báo cáo	Gói	1	2

F	Nghĩa trang Mai Dịch - Cầu giấy			
I	Không khí xung quanh (KV đốt CTR; Trung tâm NT; Cổng NT)			
1	Nhiệt độ	Mẫu	3	2
2	Độ ẩm	Mẫu	3	2
3	Vận tốc gió	Mẫu	3	2
4	Hướng gió	Mẫu	3	2
5	Áp suất	Mẫu	3	2
6	Bụi TSP	Mẫu	3	2
7	CO	Mẫu	3	2
8	NO ₂	Mẫu	3	2
9	SO ₂	Mẫu	3	2
10	Tiếng ồn	Mẫu	3	2
11	Rung	Mẫu	3	2
15	Benzen	Mẫu	3	2
16	Toluen	Mẫu	3	2
17	Xylen	Mẫu	3	2
II	Nước thải (01 điểm tại công thoát chung)			
1	pH	Mẫu	1	4
2	BOD ₅ (20oC)	Mẫu	1	4
3	COD	Mẫu	1	4
4	Tổng N	Mẫu	1	4
5	Tổng P	Mẫu	1	4
6	TSS	Mẫu	1	4
7	TDS	Mẫu	1	4
8	Sunfua	Mẫu	1	4
9	Amoni	Mẫu	1	4
10	Nitrat	Mẫu	1	4
11	Dầu mỡ ĐTV	Mẫu	1	4
12	CHĐBM	Mẫu	1	4
13	Phosphat	Mẫu	1	4
14	Tổng coliform	Mẫu	1	4
III	Nước mặt (02 hồ trong NT)			
1	pH	Mẫu	3	2
2	Ôxy hòa tan (DO)	Mẫu	3	2
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	Mẫu	3	2
4	COD	Mẫu	3	2
5	BOD ₅ (20 ⁰ C)	Mẫu	3	2
6	TOC	Mẫu	4	2
7	Tổng P	Mẫu	3	2
8	Tổng N	Mẫu	3	2
9	Tổng Coliform	Mẫu	3	2
10	Coliform chịu nhiệt (Fecal Coliform)	Mẫu	3	2
11	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	Mẫu	3	2
12	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	Mẫu	3	2
13	Chloride (Cl ⁻)	Mẫu	3	2
14	Fluoride (F ⁻)	Mẫu	3	2
15	Arsenic (As)	Mẫu	3	2

16	Chromi (6+) (Cr6+)	Mẫu	3	2
17	Tổng Chromi (Cr)	Mẫu	3	2
18	Đồng (Cuprum) (Cu)	Mẫu	3	2
19	Mangan (Mn)	Mẫu	3	2
20	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	Mẫu	3	2
21	Sắt (Ferrum) (Fe)	Mẫu	3	2
22	Tổng Phenol	Mẫu	3	2
23	Tổng dầu, mỡ (oils & grease)	Mẫu	3	2
24	Polychlorinated biphenyls (PCBs)	Mẫu	3	2
25	Benzene (C6H6)	Mẫu	3	2
26	E.coli	Mẫu	3	2
V	Đất (KV an táng mộ liệt sĩ; Khu mộ mới của CB cao cấp từ trần)			
1	As	Mẫu	2	2
2	Cd	Mẫu	2	2
3	Cu	Mẫu	2	2
4	Pb	Mẫu	2	2
5	Zn	Mẫu	2	2
6	Dầu mỡ	Mẫu	2	2
7	Tổng N	Mẫu	2	2
8	Tổng P	Mẫu	2	2
VI	Chi phí khác			
1	Chi phí vận chuyển	Gói	1	4
2	Chi phí VPP	Gói	1	4
3	Chi phí lập báo cáo	Gói	1	2
G	Nghĩa trang Thanh Tước - Mê Linh			
I	Không khí xung quanh (Trước cổng NT Thanh Tước; Khu nhà tưởng niệm trung tâm)			
1	Nhiệt độ	Mẫu	2	2
2	Độ ẩm	Mẫu	2	2
3	Vận tốc gió	Mẫu	2	2
4	Hướng gió	Mẫu	2	2
5	Áp suất	Mẫu	2	2
6	Bụi TSP	Mẫu	2	2
7	CO	Mẫu	2	2
8	NO2	Mẫu	2	2
9	SO2	Mẫu	2	2
10	Tiếng ồn	Mẫu	2	2
11	Rung	Mẫu	2	2
II	Nước thải (Nước thải đầu vào (trước khi vào bể BASTAF); Nước thải đầu ra (sau khi được xử lý qua bể BASTAF))			
1	pH	Mẫu	2	4
2	BOD5 (20oC)	Mẫu	2	4
3	TSS	Mẫu	2	4
4	TDS	Mẫu	2	4
5	Sunfua	Mẫu	2	4
6	Amoni	Mẫu	2	4
7	Nitrat	Mẫu	2	4

8	Dầu mỡ ĐTV	Mẫu	2	4
9	CHĐBM	Mẫu	2	4
10	Phosphat	Mẫu	2	4
11	Tổng coliform	Mẫu	2	4
III	Nước mặt (01 mẫu tại hồ bán nguyệt, gần vị trí cổng vào số 1 khu NT Thanh Trú)			
1	pH	Mẫu	3	2
2	Ôxy hòa tan (DO)	Mẫu	3	2
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	Mẫu	3	2
4	COD	Mẫu	3	2
5	BOD ₅ (20 ⁰ C)	Mẫu	3	2
6	TOC	Mẫu	4	2
7	Tổng P	Mẫu	3	2
8	Tổng N	Mẫu	3	2
9	Tổng Coliform	Mẫu	3	2
10	Coliform chịu nhiệt (Fecal Coliform)	Mẫu	3	2
11	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	Mẫu	3	2
12	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	Mẫu	3	2
13	Chloride (Cl ⁻)	Mẫu	3	2
14	Fluoride (F ⁻)	Mẫu	3	2
15	Arsenic (As)	Mẫu	3	2
16	Chromi (6+) (Cr ⁶⁺)	Mẫu	3	2
17	Tổng Chromi (Cr)	Mẫu	3	2
18	Đồng (Cuprum) (Cu)	Mẫu	3	2
19	Mangan (Mn)	Mẫu	3	2
20	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	Mẫu	3	2
21	Sắt (Ferrum) (Fe)	Mẫu	3	2
22	Tổng Phenol	Mẫu	3	2
23	Tổng dầu, mỡ (oils & grease)	Mẫu	3	2
24	Polychlorinated biphenyls (PCBs)	Mẫu	3	2
25	Benzene (C ₆ H ₆)	Mẫu	3	2
26	E.coli	Mẫu	3	2
IV	Chi phí khác			
1	Chi phí vận chuyển	Gói	1	4
2	Chi phí VPP	Gói	1	4
3	Chi phí lập báo cáo	Gói	1	2
H	Nhà tang lễ Phùng Hưng - Hoàn Kiếm			
I	Không khí xung quanh (Cổng ra vào nhà tang lễ, sân nhà tang lễ, sân tầng 1 khu vực văn phòng)			
1	Nhiệt độ	Mẫu	3	2
2	Độ ẩm	Mẫu	3	2
3	Vận tốc gió	Mẫu	3	2
4	Hướng gió	Mẫu	3	2
5	Áp suất	Mẫu	3	2
6	Bụi TSP	Mẫu	3	2
7	CO	Mẫu	3	2
8	NO ₂	Mẫu	3	2

9	SO ₂	Mẫu	3	2
10	Tiếng ồn	Mẫu	3	2
11	Rung	Mẫu	3	2
II	Nước thải (01 mẫu tại vị trí đầu ra của hệ thống)			
1	pH	Mẫu	1	4
2	BOD ₅ (20°C)	Mẫu	1	4
3	TSS	Mẫu	1	4
4	TDS	Mẫu	1	4
5	Sunfua	Mẫu	1	4
6	Amoni	Mẫu	1	4
7	Nitrat	Mẫu	1	4
8	Dầu mỡ ĐTV	Mẫu	1	4
9	CHĐBM	Mẫu	1	4
10	Phosphat	Mẫu	1	4
11	Tổng coliform	Mẫu	1	4
IV	Chi phí khác			
1	Chi phí vận chuyển	Gói	1	4
2	Chi phí VPP	Gói	1	4
3	Chi phí lập báo cáo	Gói	1	2

4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương V, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;
2. Kế hoạch công tác.

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

Nhà thầu phải thực hiện và hoàn thiện tuân thủ các quy trình, quy phạm hiện hành của cũng như phù hợp với các điều kiện riêng của gói thầu.

Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chất ổn định, an toàn của tất cả các hoạt động trong suốt thời gian thực hiện dịch vụ.

Tổ chức thực hiện dịch vụ đạt yêu cầu kỹ thuật và theo đúng thời hạn hoàn thành đã nêu trong hồ sơ dự thầu được chấp thuận.

Cung cấp những cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, trợ lý kỹ thuật lành nghề có kinh nghiệm và đủ năng lực đảm bảo thực hiện đúng đắn và đúng thời hạn nghĩa vụ của Nhà thầu theo hợp đồng.

Giám sát theo dõi những khối lượng do mình thực hiện trong thời gian thực hiện dự án.

Nếu Chủ đầu tư nhận thấy không thể chấp nhận những đại diện của Nhà thầu mà theo ý kiến của Chủ đầu tư người đó có hành vi sai phạm hoặc không có năng lực hay không thực hiện đúng đắn nhiệm vụ thì Nhà thầu không được phép cho người đó làm việc nữa và nên thay thế càng sớm càng tốt.

Các yêu cầu về chất lượng công việc phải thực hiện đảm bảo.